

Số: 22/QĐ-MNNH

Nam Hưng, ngày 18 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai đầu năm học 2023 - 2024**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON NAM HƯNG**

Căn cứ Điều lệ trường Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Công văn số 343/GDĐT ngày 17/8/2023 của Phòng GD&ĐT huyện Tiên Lãng về việc triển khai thực hiện công tác công khai trong trường học năm học 2023 - 2024;

Xét đề nghị của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai đầu năm học 2023 - 2024: Cam kết chất lượng giáo dục mầm non, công khai về cơ sở vật chất, công khai về đội ngũ năm học 2023 - 2024 của Trường mầm non Nam Hưng (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Thời gian thực hiện công khai 30 ngày: Từ ngày 18 tháng 9 năm 2023 đến hết ngày 18 tháng 10 năm 2023.

**Điều 3.** Các ông (bà) cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường mầm non Nam Hưng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
Nguyễn Thị Phảng

Nam Hung, ngày 18 tháng 9 năm 2023

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

(Theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

**Thời gian:** Hôm nay vào lúc 9h00 ngày 18/9/2023

**Địa điểm:** Tại bảng niêm yết Trường mầm non Nam Hung

**Thành phần tham dự:**

1. Bà Nguyễn Thị Phấn - Hiệu trưởng.
2. Bà Nguyễn Thị Nhung - Phó hiệu trưởng
3. Bà Nguyễn Thị Duyên - Tổ trưởng tổ MG – Trưởng ban thanh tra nhân dân (Người niêm yết)
4. Bà Nguyễn Thị Hà - Tổ trưởng tổ Nhà trẻ
5. Bà Lương Thị Oanh - Thư ký
6. Bà Nguyễn Thị Hồng - Chủ tịch Công đoàn
7. Bà Nguyễn Thị Hoa – Kế toán.
8. Ông Phạm Văn Xuân – Nhân viên bảo vệ.

**NỘI DUNG:**

Trường mầm non Nam Hung đã tiến hành niêm yết 3 công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 của Bộ GD&ĐT.

Nội dung niêm yết:

Biểu 01: Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non.

Biểu 02: Công khai chất lượng giáo dục thực tế của Trường Mầm non Nam Hung.

Biểu 03: Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Mầm non Nam Hung.

Biểu 04: Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ, giáo viên và nhân viên của trường mầm non Nam Hung.

Biểu 05: Công khai danh mục các khoản thu năm học 2023-2024

Thời gian niêm yết: Ngày 18/9/2023

Địa điểm: Bảng tin trường.

Thời gian kết thúc: 9h ngày 18/10/2023.

NGƯỜI NIÊM YẾT

*Duyên*

Nguyễn Thị Duyên

THƯ KÝ

*Oanh*

Lương Thị Oanh

HIỆU TRƯỞNG



*Phắng*

Nguyễn Thị Phắng

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

CHỦ TỊCH CB



*Hồng*

Nguyễn Thị Hồng

TỔ TRƯỞNG  
TỔ NT

*Hà*

Nguyễn Thị Hà

KẾ TOÁN

*Hoa*

Nguyễn Thị Hoa

BẢO VỆ

*Xuân*

Phạm Văn Xuân

**THÔNG BÁO**  
**Cam kết chất lượng giáo dục, năm học 2023 - 2024**

TT	Nội dung	Kết quả dự kiến đạt được trong năm học	
		Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Tên chương trình giáo dục mầm non thực hiện	CTGDMN(Ban hành kèm theo TT số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 27/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, được sửa đổi bổ sung một số nội bởi TT số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 30/12/2020	CTGDMN(Ban hành kèm theo TT số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 27/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, được sửa đổi bổ sung một số nội bởi TT số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 30/12/2020
II	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được		
1	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	100% trẻ nhà trẻ đến trường được theo dõi biểu đồ tăng trưởng theo qui định, ăn bán trú tại trường. Bình quân lượng Kalo đạt trong ngày ở trường: 650	100% trẻ mẫu giáo đến trường được theo dõi biểu đồ tăng trưởng theo qui định, ăn bán trú tại trường. Bình quân lượng Kalo đạt trong ngày ở trường: 720
2	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	100% trẻ nhà trẻ đến trường được chăm sóc, sức khỏe, đảm bảo an toàn. Trẻ ở kênh bình thường 95%, trẻ có sức khỏe loại một. 95% trẻ có sức khỏe loại I, 5% trẻ có sức khỏe loại II	100% trẻ mẫu giáo đến trường được chăm sóc, sức khỏe, đảm bảo an toàn. Trẻ ở kênh bình thường 95%, trẻ có sức khỏe loại một. 95% trẻ có sức khỏe loại I, 5% trẻ có sức khỏe loại II
3	Chất lượng giáo dục trẻ	100% trẻ nhà trẻ đến trường được thực hiện chương trình GDMN 2 buổi trên ngày. + PTTC: 95% + PTNN: 90% + PTNT: 90% + PTTCKNXH-PTTM: 90%	100% trẻ mẫu giáo đến trường được thực hiện chương trình GDMN 2 buổi trên ngày. + PTTC: 98% + PTNN: 96% + PTNT: 95% + PTTCKNXH: 96% + PTTM: 95%
IV	Các hoạt động hỗ trợ nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở GDMN (nếu có)	Các hoạt động ngày hội ngày hội ngày lễ trong năm học: Ngày khai giảng, tết trung thu, ngày 20/10, 20/11, chiến sĩ tỵ hon, chương trình bé khỏe ngoan, tết nguyên đán, tổng kết năm học...	Các hoạt động ngày hội ngày hội ngày lễ trong năm học: Ngày khai giảng, tết trung thu, ngày 20/10, 20/11, chiến sĩ tỵ hon, chương trình bé khỏe ngoan, tết nguyên đán, tổng kết năm học...

Nam Hưng, ngày 18 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phụng

**THÔNG BÁO**  
Công khai chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2023-2024

T	T	Nội dung	Kết quả thực tế đạt được trong năm học							
			Toàn trường		Trong đó chia ra					
			Kết quả đạt được	Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Nhà trẻ		Mẫu giáo			
Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ	3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi			
1	Huy động trẻ	Tổng số trẻ đi học	287			25	30	80	60	92
		Trẻ học nhóm ghép								
		Trẻ học 2 buổi/ngày	287			25	30	80	60	92
		Trẻ khuyết tật học hòa nhập								
2	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ được tổ chức ăn bán trú	287			25	30	80	60	92
		Trẻ được cung cấp chế độ và khẩu phần ăn đảm bảo theo nhu cầu khuyến nghị	287							
3	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	Trẻ được khám sức khỏe định kỳ	287*			25	30	80	60	92
		Trẻ được cân-đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định	287			25	30	80	60	92
		Trẻ có cân nặng bình thường	280			24	29	79	58	90
		Trẻ có chiều cao bình thường	278			24	29	78	57	90
		Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ	9			1	1	3	2	2
		Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	11			1	2	4	2	2
		Trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	7			1	2	2	1	1
Trẻ thừa cân	3						1	2		
Trẻ béo phì	2							2		
		Trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần	287	100		25	30	80	60	92



T T		Kết quả thực tế đạt được trong năm học										
		Toàn trường			Trong đó chia ra							
		Kết quả đạt được		Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học		Nhà trẻ			Mẫu giáo			
Số lượng trẻ		Đạt tỷ lệ		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi			
		273	95%									
Trẻ đi học chuyên cần		273	95%		23	27	76	57	90			
4	Chất lượng giáo dục trẻ	Đánh giá chất lượng giáo dục trẻ		Trẻ được đánh giá ở mức "Đạt"								
		Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN		Trẻ được đánh giá ở mức "Cần cố gắng"								
		Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ		Trẻ được đánh giá ở mức "Chưa đạt"								
		0	0		0	0	0	0	0	0	0	
		92	100%									
		0	0								92	

Nam Hưng, ngày 18 tháng 9 năm 2023

Thị Trường đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phụng

**THÔNG BÁO**  
Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Tổng số phòng</b>		Số m <sup>2</sup> /trẻ em
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>	<b>10</b>	-
1	Phòng học kiên cố	10	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	<b>1</b>	-
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất toàn trường (m<sup>2</sup>)</b>	<b>5.000</b>	21,46
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi (m<sup>2</sup>)</b>	<b>3.757</b>	16,1
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích một số loại phòng</b>	<b>1.243</b>	5,33
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m <sup>2</sup> )	550	2,36
2	Diện tích phòng ngủ (m <sup>2</sup> )	0	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )	100	0,43
4	Diện tích sân chơi (m <sup>2</sup> )	540	2,32
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m <sup>2</sup> )	54	0,23
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m <sup>2</sup> )	80	0,34
7	Diện tích nhà bếp và kho (m <sup>2</sup> )	120	0,52
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>	<b>10</b>	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	10	10/10
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
<b>VIII</b>	<b>Tổng số đồ chơi ngoài trời</b>	<b>16</b>	Số bộ/sân chơi (trường)
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)</b>	<b>14</b>	
<b>X</b>	<b>Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)</b>		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	...		





**THÔNG BÁO**

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên, năm học 2023 - 2024

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐHCĐ	ĐTC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>28</b>			<b>22</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>1</b>		<b>10</b>	<b>6</b>	<b>5</b>	<b>16</b>	<b>5</b>		
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>18</b>			<b>18</b>					<b>8</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>13</b>	<b>5</b>		
1	Nhà trẻ	4			4					1	2	1	3	1		
2	Mẫu giáo	14			14					7	3	4	11	3		
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>			<b>3</b>					<b>2</b>	<b>1</b>		<b>3</b>			
1	Hiệu trưởng	1			1					1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					1	1		2			
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>7</b>			<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>1</b>								
1	Nhân viên văn thư															
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế															
5	Nhân viên nuôi dưỡng	5				2	3									
6	Nhân viên bảo vệ	1						1								
..	..															

Ghi chú: Đối tượng chưa có tiêu chí đánh giá "Hạng chức danh nghề nghiệp" và "Chuẩn nghề nghiệp" thì để trống.

Nam Hưng, ngày 18 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phảng

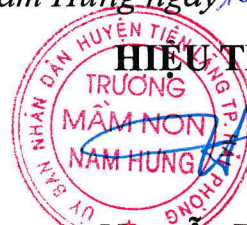
**DANH MỤC CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2023 - 2024**

(Kèm theo Quyết định số: 20/QĐ- MNNH ngày 18/9/2023)

**ĐVT: đồng**

STT	Nội dung thu	Định mức thu/trẻ	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Thu bắt buộc</b>		
1	Học phí	100.000 đ/trẻ/tháng	Học sinh được hỗ trợ cấp bù học phí theo Nghị quyết số : 54/2019/NQ-HĐND ngày 9/12/2019 về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Nên trường không thực hiện thu trực tiếp từ phụ huynh .
<b>II</b>	<b>Thu thỏa thuận</b>		
1	Quỹ mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú		
	Đối với học sinh tuyển mới	300.000đ/trẻ/năm	Thu theo 2 kỳ học
	Đối với học sinh tuyển cũ	200.000đ/trẻ/năm	Thu theo 2 kỳ học
2	Hỗ trợ lương, trực trưa cô nuôi	Từ 70.000đ đến 90.000đ/tháng/trẻ	Thu 9 tháng, thu đủ bù chi
3	Quản lý ngoài giờ hành chính	10.000đ/trẻ/ngày	Thu theo số ngày thực học trong tháng
4	Chất đốt	Từ 1.000đ đến 2.000đ/tháng/trẻ	Thu 9 tháng, thu đủ bù chi
5	Tiền ăn	20.000đ/ngày	Thu theo số ngày thực ăn trong tháng
<b>III</b>	<b>Thu tự nguyện</b>		
1	Quỹ Ban đại diện cha mẹ trẻ em: Thu trên tinh thần tự nguyện ủng hộ đóng góp của các bậc phụ huynh		

Nam Hưng ngày 18 tháng 9 năm 2023



**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Phảng**